

Bản án số: 14 /2017/HSST

Ngày 30/6/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Đình Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Út
2. Bà Vi Thị Thuật

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiếu Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Hồ Hà Hải Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2017/HSST, ngày 26 tháng 5 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2017/HSST-QĐ, ngày 16/6/2017 đối với bị cáo:

- Trần Giang N, sinh ngày 25 tháng 9 năm 1984 tại huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai; nơi ĐKKHTT và nơi ở: Tổ 2D, thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; con ông Trần Xuân Mạc và bà Nguyễn Thị Thế, có vợ là Nguyễn Thị Hà; có 01 con là Trần Thành Trung sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không;

Về nhân thân: Ngày 23 tháng 11 năm 2011 bị cáo bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai quyết định đưa đi cai nghiện ma túy tại Trung tâm giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Lào Cai, bị cáo đã chấp hành xong ngày 30/11/2012.

Ngày 12 tháng 8 năm 2013 bị cáo bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh tại Trung tâm chữa bệnh giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Lào Cai, bị cáo đã chấp hành xong ngày 12/8/2014.

Như vậy tính đến lần phạm tội này bị cáo đã được xóa hai tiền sự trên.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/3/2017 hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Bảo Yên - có mặt.

- Người bị hại: Chị Ma Thị T, trú tại tổ 2D thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai - vắng mặt (chị T có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi liên quan: Anh Nguyễn Tiến D - vắng mặt (anh D có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 27/3/2017 Trần Giang N đến nhà chị Ma Thị T với mục đích tìm tài sản để trộm cắp. Khi đến nhà chị T thấy không có người ở nhà, cánh cửa trên tầng hai mở. N trèo cột gỗ lên tầng hai, quan sát trong phòng thấy không có tài sản gì, N đi theo đường cầu thang xuống phòng ngủ thấy trên bàn học trong buồng để 01 máy vi tính xách tay hiệu Dell, N không lấy ngay mà quay lại đường cũ trèo về nhà mình. Về đến nhà N lấy điện thoại gọi cho Nguyễn Văn Quý ở Km42 Bắc Ngâm, Bảo Thắng, Lào Cai hỏi chỗ cắm máy tính thì Quý nói với N là không biết. N hẹn anh Quý 40 phút sau xuống nhà đón N đi chơi, xong N lại theo đường cũ trèo vào tầng hai nhà chị T, đi xuống phòng ngủ trộm cắp chiếc máy vi tính cùng dây và củ sạc máy tính mang về nhà. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày anh Quý đi xe máy xuống gặp N. Sau khi giấu chiếc máy vi tính cùng dây và củ sạc vào trong áo đang mặc, N nói với anh Quý chiếc máy vi tính là của con trai mang đi cắm và nhờ anh Quý chở N ra quán nét nhà Nguyễn Tiến D, ở Tổ 6B1 thị trấn Phố Ràng cầm cố. Đến nơi N lấy máy tính cùng dây và củ sạc đưa cho anh Quý mang vào hỏi anh D "Anh cho em cầm chiếc máy vi tính để nộp tiền phạt" anh D đồng ý cho anh Quý cầm cố chiếc máy vi tính lấy 700.000đ. Sau đó anh Quý đưa tiền cho N và chở N về nhà. Số tiền cầm cố chiếc máy vi tính N chi tiêu hết 500.000 đồng, còn 200.000 đồng N giao nộp cho Cơ quan Công an.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐG ngày 27/3/2017, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bảo Yên, kết luận: 01 máy vi tính kèm theo dây sạc và củ sạc bị cáo trộm cắp trị giá 11.430.000đ (mười một triệu bốn trăm ba mươi nghìn) đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ.

Bản Cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 25 tháng 5 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Trần Giang N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày luận tội và tranh luận: Bị cáo Trần Giang N là một thanh niên tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bản thân bị cáo năm 2011 và năm 2013 bị Ủy ban nhân dân huyện Bảo Yên quyết định đưa đi cai nghiện bắt buộc. Sau khi tái hòa nhập cộng đồng, do lười lao động và là đối tượng nghiện ma túy,

nên ngày 27/3/2017 bị cáo đã lén lút chiếm đoạt chiếc máy vi tính của chị Ma Thị T trị giá 11.430.000đ (mười một triệu bốn trăm ba mươi nghìn) đồng mang cầm cố lấy tiền tiêu sai. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội trộm cắp tài sản, do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Giang N theo cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 25 tháng 5 năm 2017. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 144/2016/QH13; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Trần Giang N từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, điểm c khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung quỹ 200.000đ do bị cáo cầm cố tài sản trộm cắp đang được bảo quản tại tài khoản tạm gửi của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Bảo Yên.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của bị cáo lén lút trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng sau khi phạm tội bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo sớm đoàn tụ cùng gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra truy tố: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bảo Yên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Trần Giang N lợi dụng gia đình chị Ma Thị T không có người ở nhà nên đã đột nhập vào nhà tìm tài sản để trộm cắp. Bị cáo trèo cột vào tầng hai rồi đi xuống phòng ngủ trộm cắp chiếc máy vi tính xách tay, cùng dây và củ sạc máy tính mang về nhà. Sau khi trộm cắp được tài sản bị cáo giấu vào áo đang mặc và nói với anh Quý chiếc máy vi tính là của con trai mang đi cầm cố và nhờ anh Quý chở bị cáo ra quán nét để cầm cố. Như vậy bị cáo Lợi dụng chủ sở hữu sơ hở trong việc quản lý tài sản, đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Theo kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thì tài sản mà bị cáo chiếm đoạt trị giá 11.430.000đ (mười

một triệu bốn trăm ba mươi nghìn) đồng. Do đó bị cáo đã phạm tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo là người có đủ điều kiện để nhận thức và hiểu biết pháp luật nhưng do không tu dưỡng rèn luyện đạo đức nên đã hai lần bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc. Khi chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính về địa phương bị cáo tiếp tục nghiện ma túy và ngày 27/3/2017 bị cáo đã lén lút trộm cắp tài sản. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương, do vậy cần phải xử phạt và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Song xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Bố bị cáo là ông Trần Xuân Mạc, mẹ bị cáo là bà Nguyễn Thị Thế đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ nên được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng nhì, Huân chương Kháng chiến hạng ba. Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự 1999.

Theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thì người phạm tội là con của người có công với cách mạng được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự, nhưng Bộ luật hình sự năm 2015 thì được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Theo Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015, áp dụng theo hướng có lợi cho bị cáo nên bị cáo N được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015.

Ngoài hình phạt chính, xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng:

- 01 máy vi tính nhãn hiệu Dell kèm theo dây sạc, củ sạc là vật chứng của vụ án. Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị Ma Thị T sau khi nhận lại chị T không có ý kiến gì về tài sản đã nhận, xét thấy Cơ quan điều tra trả lại tài sản cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Số tiền 700.000đ bị cáo trộm cắp tài sản mang đi cầm cố mà có, bị cáo đã tiêu hết 500.000đ Cơ quan điều tra chưa thu giữ được, số còn lại 200.000đ bị cáo tự giác nộp lại cho Cơ quan điều tra và hiện đang được tạm giữ tại tài khoản tạm giữ của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Xét thấy đây là số tiền bị cáo cầm cố tài sản trộm cắp mà có, nhưng khi cầm cố người nhận cầm cố là anh Nguyễn Tiến D không biết tài sản cầm cố do trộm cắp mà có. Lẽ ra số tiền 200.000đ phải trả lại cho anh D và buộc bị cáo phải trả anh D 500.000đ, nhưng anh D đề nghị sung quỹ Nhà nước số tiền đang tạm giữ và

không buộc bị cáo phải trả số tiền bị cáo đã chi tiêu vì vậy cần sung quỹ Nhà nước số tiền 200.000đ đang tạm gửi tại tài khoản của Cơ qua Thị hành án dân sự huyện Bảo Yên, còn số tiền 500.000đ bị cáo đã chi tiêu Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với Nguyễn Tiến D là người đã nhận cầm cố chiếc máy vi tính, tuy nhiên khi cầm cố anh D không biết đó là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có, nên hành vi của anh D không cấu thành tội phạm, cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng pháp luật.

Đối với Nguyễn Văn Quý, là người đi cầm cố chiếc máy tính cùng bị cáo, do không biết việc bị cáo trộm cắp nên hành vi của anh Quý không cấu thành tội phạm, Cơ quan điều tra không xử lý là đúng pháp luật.

Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Giang N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự 1999.

Nghị quyết số 144/2016/QH13; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Giang N 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giam, ngày 30/3/2017.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn) đồng đã gửi vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan Thị hành án dân sự huyện Bảo Yên số 3949.0.1052777 tại Kho bạc Nhà nước huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai).

3. Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH quy định về án phí lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án .

Nơi nhận:

- TANDT Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Yên;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- CA huyện Bảo Yên;
- THADS huyện Bảo Yên;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo; Bị hại; NLQ
- TTG Công an tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS; THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Tiến